TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/DS-ST
Ngày: 01- 7- 2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và bà Trần Thu Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - bà Phạm Thị N trình bày:

Vào ngày 19/4/2022, ông H đến cửa hàng của bà N mua nước sơn để sơn tường nhà và nợ lại số tiền 48.000.000 đồng. Ngoài ra vào khoảng tháng 10 năm 2022 ông H còn hỏi mượn của bà N 60.000.000 đồng để chi xài và nói mượn đỡ ít ngày sẽ trả lại. Do là chỗ quen biết nên khi cho thiếu nợ tiền nước sơn và cho mượn tiền bà N và ông H không lập giấy tờ biên nhận mà chỉ thoả thuận miệng với nhau. Bà N xác định tổng số tiền ông H thiếu nợ của bà N là 108.000.000 đồng. Bà N nhiều lần đòi nợ

nhưng ông H không trả. Đến ngày 10/11/2023 ông H viết tờ cam kết xác nhận nợ và hứa đến ngày 25/12/2023 trả hết số nợ nhưng đến nay không thực hiện.

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu ông H trả số nợ 108.000.000 đồng và yêu cầu ông H trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa bà N yêu cầu ông H trả nợ số tiền nợ 108.000.000 đồng và yêu cầu ông H trả lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất do pháp luật quy định là 10%/năm tính từ ngày ông H viết cam kết trả nợ vào ngày 10/11/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có yêu cầu phản tố và không có ý kiến trình bày trước nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) tờ cam kết đề ngày 10/11/2023; bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có

Nội dung không thống nhất: Bà N yêu cầu ông H trả hết số tiền nợ 108.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết nợ.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa

bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn H.

Tại phiên toà bà N thay đổi yêu cầu về mức tính lãi suất chậm trả, nội dung yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung thay đổi yêu cầu của bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà N yêu cầu ông H trả số nợ tổng cộng 108.000.000 đồng do trước đây ông H thiếu nợ tiền mua nước sơn và tiền mượn (vay không lãi suất) của bà N. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên ông H không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Cùng với đơn khởi kiện bà N cung cấp chứng cứ là "Tờ cam kết" lập ngày 10/11/2023. Nội dung "Tờ cam kết" thể hiện ông H xác nhận có nợ của bà N số tiền 108.000.000 đồng và hứa đến ngày 25/12/2023 sẽ thanh toán. "Tờ Cam kết" còn được ông Lâm Thanh P đại diện ban lãnh đạo ấp Trung Quý chứng kiến xác nhận. Ông H không phản đối chứng cứ do bà N cung cấp, không chứng minh đã thực hiện trả nợ cho bà N. Từ đó có cơ sở xác định ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua và bên vay, do đó căn cứ vào các Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc ông H trả cho bà N số tiền nợ mua bán và nợ vay tổng cộng là 108.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài số tiền nợ bà N còn yêu cầu ông H trả tiền lãi chậm trả tiền đối với số nợ phát sinh từ ngày ông H viết cam kết trả nợ là ngày 10/11/2023 cho đến ngày trả hết số nợ. Nhận thấy, trong quá trình mua bán và cho vay các bên không lập hợp đồng để thể hiện gian trả nợ, không có thỏa thuận việc trả lãi đối với số tiền nợ, do đó

nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất chậm trả tiền là 10%/năm từ ngày ông H viết cam kết trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về thời điểm tính lãi, tính từ ngày 10/11/2023 đến ngày xét xử là ngày 01/7/2024 là (07 tháng + 21 ngày), tiền lãi được tính như sau:

108.000.000 đồng x 10%/năm x (07 tháng + 21 ngày) = 6.921.368 đồng.

Tổng cộng số tiền mà ông H phải thanh toán cho bà N tính đến ngày 01/7/2024 gồm: 108.000.000 đồng (nợ mua bán và tiền vay) + 6.921.368 đồng (tiền lãi chậm trả) = 114.921.368 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông H phải nộp là: 114.921.368 đồng x 5% = 5.746.068 đồng.

Bà N được hoàn trả số tiền nộp tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, , Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị N số tiền 114.921.368 đồng (Một trăm mười bốn triệu, chín trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng), trong đó bao gồm 108.000.000 đồng (Một trăm linh tám triệu

đồng) tiền nợ mua bán và nợ vay và 6.921.368 đồng (Sáu triệu, chín trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng) tiền lãi chậm trả tiền tính đến ngày 01/7/2024.

Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.746.068 đồng (Năm triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng).

Bà Phạm Thị N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.700.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006591 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 01/7/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm